

KINH THÁNH QUÁN TỰ TẠI BỒ TÁT 108 DANH (Avalokiteśvarasya aṣṭa-uttara-śata-nāma-mahā-yāna sūtra)

Hán dịch: Đời Tống, Tây Thiên Trung Ấn Độ, Nước Nhạ Lan Đà La_ Tam Tạng Minh Giáo Đại Sư, Sa Môn được ban áo tía là THIÊN TỨC TAI phụng chiếu dịch

Việt dịch: HUYỀN THANH

Như vậy tôi nghe. Một thời Đức Phật ngự tại cung điện của Thánh Quán Tự Tại Bồ Tát trên núi Bồ Đát Lạc Ca. Ngọn núi lẻ loi đó do mọi vật báu tạo thành giống như vàng của cõi Diêm Phù Đàm trong sạch không như bản, mọi thứ Trân Bảo của Ma Ni Bảo Vương luôn luôn tỏa chiếu ánh quang minh diệu sắc. Lại có cây Như Ý Thiên Kiếp Ba thường tỏa ra a tăng kỳ số mùi thơm của chất Tô La Tị (Surabhi), Trâm Thủy, Chiên Đàn (Candana). Hoa Câu Tô Ma (Kusuma) mềm mại đáng ưa thích, có màu sắc nhiệm màu tuôn rơi phơi phới nghiêm sức khắp mọi nơi.

Lại có vô lượng trăm ngàn ức Na Do Tha số Trời, Rồng, Dạ Xoa, Càn Đạt Bà, A Tu La, Ca Lô La, Ma Hầu La Già, Nhân, Phi Nhân đi đến nơi Phật ngự, cúi đầu làm lễ cúng dường, cung kính tôn trọng khen ngợi, nhất Tâm chấp tay lắng lẽ nghe Pháp.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Phạm Vương rằng: “Như Lai nói Pháp: Ban đầu, chẳng giữa, sau chót đều tốt lành. Dùng ngôn ngữ khéo léo diễn tả sự thâm sâu của Pháp. Dùng tướng Phạm Hạnh thuần nhất không tạp viên mãn thanh tịnh, tùy nghi nói Pháp lợi ích chúng sinh.

Một trăm lẻ tám tên của Thánh Quán Tự Tại Bồ Tát này, nếu có người nghe được thì trong trăm ngàn vạn ức vô số kiếp chẳng bị đọa vào nẻo ác. Người đó, nếu có phạm năm tội Vô Gián thì nghiệp được tiêu trừ hết, đời đời kiếp kiếp được Túc Mệnh Trí.

Thánh Quán Tự Tại 108 Danh Bí Mật Minh là :

1) Đát nễ-dã tha: Tứ bà phộc năng ngật-lị đá ngật-lị đát-dã

TADYATHĀ: HE BHAGAVĀN KṚTA KṚTYA

2) Ngật-lị đá ca la ni dã

KṚTA-KARANĪYA

3) Hạ-lị đá bà la

HRDA- BHĀRA

4) A nỗ bát-la bát-đá sa-phộc ca la-tha

ANU-PRĀPTA SVAKĀRTHA

5) Ba lị ngật-xoa noa, bà phộc, tam dụ nhạ năng

PAKṢANA-BHAVA SAMYOJANA

6) Sa nhĩ-dã nga, nhạ-noa năng

SAMYAG- JÑĀNA

7) Tô vĩ mục ngật-đá tức đá

SU-VIMUKTA-CITTA

8) Tô vĩ mục ngật-đá bát-la nhạ-noa

SU-VIMUKTA PRAJÑA

9) A nhạ nễ dụ, ma hạ năng nga

AJANĪYO MAHĀ-NĀGA

- 10) **Tát lệ-phộc tức đồ phộc thể ba la ma, ba la nhĩ đá, bát-la bát-đá**
SARVA CETOVAŚI PARAMA-PĀRAMITA PRĀPTA
- 11) **Ba lệ bố la-noa, nhạ-noa nẵng , tam bà la**
PARIPŪRṆA JÑĀNA SAMBHĀRA
- 12) **Ô đế la-noa ba phộc kiến đá la**
UTTĪRṆA BHAVA KĀNTĀRA
- 13) **Ba la tứ đá dã đát-nẵng**
PARAHĪTA-YATNA
- 14) **Ca lỗ noa, mẵn đà hạ-lệ na dã**
KĀRUṆA BANDHA HRDAYA
- 15) **Bát-la nhạ, ba la ma phộc đát-sa la**
PRAJĀ PARAMA- VATSARA
- 16) **Tô khur bát-la na**
SUKHA PRADA
- 17) **Sa-nễ hạ bát-la tất-lệ đá**
SNEHA PRASRTA
- 18) **A nan đá tất đát-mộng đá la noa đát-câu xá la**
ANANTA SATVAṆ TĀRAṆAT-KOŚALA
- 19) **Tô nga đá nhạ-cảm ma**
SUGATA- AJANMA
- 20) **Đát-lệ bộ phộc nãi ca mẵn đà phộc**
TRIBHUVANAKA BANDHA VA
- 21) **Vĩ nga đá la nga**
VIGATA-RĀGA
- 22) **Vĩ nga đá nễ-phệ sái**
VIGATA-DVEŚA
- 23) **Vĩ nga đá mô hạ**
VIGATA-MOHA
- 24) **Đát-lệ ma la, bát-la tứ noa**
TRIMALA PRAHĪNA
- 25) **Đát-lại vĩ nễ-dã ba la nga**
TRAI-VIDYA PĀRAGA
- 26) **Sa tra tị nhạ-noa, bát-la bát-đá**
ṢAḌ-ABHIJÑĀ PRĀPTA
- 27) **Nễ-dã ngu-lỗ đà ba lệ man noa la**
NYA-GRODHA-PARIMAṆḌALA
- 28) **Đà đát lẵng phiến, ma hạ bố lỗ sa, lạc ngật-lệ đá nga, đát-la**
DVĀTRIMŚAN- MAHĀ-PURUŚA LAKŚAṆA DHARA
- 29) **A thể đát-dã nễ vĩ-diễm nhạ nẵng, lẵng ngật-lệ đá, nga đát-la**
AŚITY-ANUVYAÑJANA ALUMKṚTA GĀTRA
- 30) **Tô phộc la-noa , tô ngật-xoa-ma tha vĩ**
SUVARṆA SŪKŚMA-CCHAVI
- 31) **Bát-lan du la phộc na đát một lệ-đế**
PARAM-ŚULA VANA-MURTE
- 32) **Nẵng phộc nẵng nga ké sa la lỗ noa nhạ tra đà la**
NAVA-NĀGA KESARA-ARUṆA-JAṬA DHARA
- 33) **Nhạ tra ca la bố ba ngu trà một lệ-địa-nễ, a di đá bà**
JAṬA-KALĀPOPA-GŪḌHA MURTINI AMITĀBHA
- 34) **Nhạ-cảm mẫu nẵng na kiến tả nẵng phộc bà sa**

JAMBŪ-NADA KĀÑCANA-AVABHĀSA

35) Bát-la mục ngật-đá la thấp-nhĩ

PRAMUKTA RASMI

36) Nhập-phộc lệ đá vĩ-dã ma bát-la bà

JVALITĀ VYĀMA-PRABHA

37) Kiến tả năng nại-lị bát-la thể đá dã xá sa

KĀÑCANA ĀDR PRATHITA YAŚAS

38) Vĩ bố la đế nhạ

VIPULA TEJA

39) Ô na du nễ-nghệ la-noa nễ năng ca lỗ sắt-ni sa

UDAYOD-GĪRṆA DINA-KAROṢṆĪṢA

40) Bát-la nhập-phộc lệ đá ma ni

PRAJVALITĀ MAṆI

41) Dã nghệ ba vĩ đá lị-đà ca dã

YAJÑOPAVITA ARDHA-KĀYA

42) Bộ nhĩ bát-la vĩ tả dã

BHŪMI PRAVICAYA

43) Nại xá ba la nhĩ đá tả la noa

DAŚA-PĀRAMITA-CARAṆA

44) A khiếm ni đá thi la

AKHANDITA ŚĪLA

45) A thiết án-la thi la

ACCHIDRA-ŚĪLA

46) Tăng hạ vĩ ngật-lan đồ la sắt-ca

SIMHA VIKRĀNTA-URASKA

47) Câu ma la la lệ đá nga đất-la

KUMĀRA-LALITA-GĀTRA

48) Một-lị tị-dụng nại-la ngật-xoa ni nga đế

MṚTYAṀ DRAKUKṢI GATE

49) Nhược ngật-sát noa văn lị-đá năng tị

DAKṢAṆA-ĀVARTA-NĀBHI

50) A lị đà tán nại-la lãng ngật-lị đá đế la ca

ARDHA- CANDRA- ALUMKṚTA TILAKAḤ

51) Vĩ tất-đế la-noa la la tra

VI-STHITA-ANAVANATA

52) Bát-la lãng phộc phộc hộ

PRALAMBA- BĀHU

53) Nễ la- giám đá la bộ-lỗ ô, đồ nga năng xá

NĪLA-NETRA BHRŪ TUṄGA-NĀŚAḤ

54) Ca la sa ngật-lị đế nga-lị phộc

KARA SA-KṚTI GARBHA

55) Nệ lị-già ngu lệ ba lị phộc ni

DĪRGHA -ĀṄGULI PARIPŪRṆI

56) Ma-lị nỗ đá ma-la năng khứ

MRDU-ĀTĀMRA NAKHA

57) Nhạ la phộc năng đà hạ sa-đá

JALA- AVANADDHA-HASTA

58) Tác ngật-la lãng ngật-lị đá ba ni

CAKRA-ALUMKṚTA PĀṆI

- 59) Đá la sa la đát-ca ma la nễ sa xá-la ngật-xoa**
TALA-ŚARAT-KAMALA DIŚA- ĀŚRA-KṢĪ
- 60) Một-la hám-ma nghiêm tị la thấp-phộc la ha-lị na diêm nga ma**
BRAHMA GAMBHĪRA-SVARA HRDAYAṂ GAMA
- 61) Tất-lị ma ni du nại lị-xả nễ đã**
PREMAṆĪYOD-DHARṢAṆĪYA
- 62) La ma ni đã**
RAMAṆĪYA
- 63) Ca ma la ba**
KAMALA-ĀBHĀ
- 64) Ca ma lộ nột-bà phộc**
KAMALA-UDBHAVA
- 65) Ca ma la tam bàphộc**
KAMALA SAṂBHAVA
- 66) Ca ma la tát nể**
KAMALA ĀSANA
- 67) Ca ma la ha sa đá**
KAMALA HASTA
- 68) Ca mạn noa lộ vĩ-dã nga-la hạ sa-đá**
KAMAṆḌALU VYAGHRA HASTA
- 69) Ngật-lị sắt-noa nhĩ nể đà la**
KṚṢṆA-JĪNA-DHARA
- 70) Nan noa đà la**
DAṆḌA DHARA
- 71) A ngật-xoa đà la**
AKṢA DHARA
- 72) Bồ đát bát vĩ đát-la**
PŪTA-PAVITRA
- 73) Bồ lị-phộc tị bà sử**
PŪRVA- ABHIBHĀṢIN
- 74) A mật-lị đá phộc lị-sa**
AMṚTA VARṢA
- 75) Tức đá ma ni ca la-ba**
CINTĀMAṆI KALPA
- 76) Tô niết lị-xả nể một-lị ngật-xoa**
SUDARŚANA VṚKṢA
- 77) Tát lị-phộc tát đát-phộc một-lị đế ca la**
SARVA SATVA AMṚTE KARA
- 78) Tất-lị đế ca la**
PRĪTI KARA
- 79) Tát lị-phộc tát đát-mạo ba nhĩ vĩ-dã**
SARVA SATVA UPAJĪVYA
- 80) Một đà nễ lị-ma noa**
BUDDHA NIRMĀṆA
- 81) Tô nga đá vĩ sa đà la**
SUGATA VIṢA DHARA
- 82) Y quyết ca lỗ ma câu ba**
EKA-ĪKA ROMA GOPA
- 83) Tát đát-phộc sa la**

SATVA SĀRA

84) Ngật-lị đá mãng ni-dã

KṚTA PUṆYA

85) Ngật-lị đá câu xả la

KṚTA KUŚALA

86) Ngật-lị đá nễ thất-tả dã

KṚTA NIŚCAYA

87) Ô đá bát-đá vĩ lị-dã

UTPATTA VIRYA

88) Tăng sa la đế ngật-lan đá

SAMSĀRA ATI-KRĀNTA

89) Tát đạt lị-ma cứu phộc la nhạ-dã tị sắt ngật-đá

SAD-DHARMA YAUVA-RĀJYA ABHIŚIKTA

90) Đá la nỗ nga đá tả la noa

UTTARA ANUGATA CARAṆA

91) Bộ-lị câu trí ngật-lị đá nhạ-noa

BHRKUṬI KṚTA-JÑA

92) Nhạ dã văn đồ nãng dã mãn đá

JAYA VAT _ NAYA BANDHA

93) Sa một-lị đế mãn đà

SMṚTI BANDHA

94) Ma hạ vĩ ca-la ma mãn đá

MAHĀ-VIKRAMA BANDHA

95) Ngu noa văn đồ muội đát-lị mãn đá

GUṆA-VAT MAITRE BANDHA

96) Phiến đá mãn đá

ŚĀNTI BANDHA

97) Thi la mãn đá

ŚĪLA BHANDHA

98) Bà nga-dã mãn đá

BHĀGYA BANDHA

99) A lị-tha mãn đá

ARTHA BANDHA

100) A lị-tha nẫm vĩ-dụng đá la

ARTHĀNĀM VYANTARA

101) Thương sa dã nẫm thân đá la

SAM-ŚAYĀNĀM CIT- TĀRA

102) Đạt lị-ma noãn bát-la phộc ngật-đá la

DHARMĀNĀM PRAVĀK- TĀRA

103) Lộ ca nẫm thiết sa-đá la

LOKĀNĀM ŚĀSTRA

104) Ba lị bố la-noa man noa la mục khứ

PARIPŪRṆA MAṆḌALA MUKHA

105) Tát lị-phộc tát đát-nãng khứ tất đá

SAVA RATNA KHACITA

106) Nễ đảm ma nhiên-la nễ xá

ŚVETAM ŪRṆA KEŚA

107) Tô phộc la-noa phộc la dụ ba nhĩ phộc sa-tha duệ

SUVARṆA VARA-RŪPAM IVA STHĀYE

108) Tô li-dã sa hạ sa-la đế li ca lố tức la xá li la
SŪRYA SAHASRA TRIKĀLO CIRA ŚARĪRA
Một-la hám-ma nại-la nễ , năng ma sa ngật-li đá
BRAHMA INDRA DEVA NAMASKṚTA

Bấy giờ, Đức Phật bảo Phạm Thiên và Đế Thích rằng: “Nếu có người thọ trì đọc tụng **108 Danh Bí Mật Minh** của Thánh Quán Tự Tại Bồ Tát này, nên biết người đó đời đời kiếp kiếp thường được nhìn thấy Đấng Thánh Quán Tự Tại. Nếu thường thọ trì sẽ được đại phú quý. Đắc được: thông minh, dũng mãnh, đoan nghiêm, diêu thanh (âm thanh màu nhiệm), biện tài, thường biết tất cả Pháp Nghĩa vào Man Noa La. Phàm tất cả Chân Ngôn Tất Địa đã mong cầu đều thành tựu. Khóa niệm sáng chiếu vĩnh viễn không có bệnh khổ, nhọt, ghẻ lác, bệnh khí. Sau khi chết được vãng sinh về Thế Giới Cực Lạc ở phương Tây.”

Khi ấy, Đức Thế Tôn bảo Phạm Vương rằng: “Nếu có người thọ trì 62 ức hàng hà sa số Danh Hiệu của chư Phật, lại hay tận hình (trọn đời) tứ sự cúng dường thì người ấy đạt được quả báo nhiều hay ít?”

Phạm Vương bạch rằng: “Rất nhiều. Bạch Đức Thế Tôn! Rất nhiều. Bạch Đức Thiện Thệ!”

Đức Phật bảo: “Nếu có người thọ trì 108 Tên của Thánh Quán Tự Tại Bồ Tát cho đến phút chốc lễ bái cúng dường thì quả báo của hai người đều giống nhau không sai khác.

Này Phạm Vương! Nên biết thọ trì đọc tụng 108 Tên của Thánh Quán Tự Tại Bồ Tát sẽ được lợi lạc vô lượng vô biên phước báo như vậy. Hướng chi trọn đời thọ trì đọc tụng, Công Đức gặt hái được đời đời kiếp kiếp chẳng thể cùng tận.”

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói lời ấy xong thì Đại Phạm Thiên Vương, Thiên Đế Thích với Tám Bộ Trời Rộng, tất cả chúng sinh nghe lời Phật nói đều tin nhận phụng hành.

KINH THÁNH QUÁN TỰ TẠI BỒ TÁT 108 DANH
Hết

Hiệu chỉnh xong vào ngày 10/02/2009